

Số: 2387/QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 15 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Quy định miễn học và  
chuyển đổi điểm học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo đại học và Trưởng Khoa Ngoại ngữ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về miễn học và chuyển đổi điểm học phần Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ), Tiếng Anh 2 (4 tín chỉ) cho sinh viên năm thứ nhất các ngành đào tạo không chuyên ngữ.

**Điều 2.** Quyết định này áp dụng từ năm học 2020-2021.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Đào tạo đại học, Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Kế hoạch – Tài chính, các Khoa, các đơn vị liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**

**QUY ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy định miễn học và**  
**chuyển đổi điểm học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2387/QĐ-ĐHQN*  
*ngày 13/10/2020 của Trường Đại học Quy Nhơn)*

**Điều 1. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng cho sinh viên năm thứ nhất các ngành không chuyên ngữ bao gồm:

- Sinh viên có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế hoặc chứng chỉ quốc gia Khung 6 bậc Việt Nam trong thời hạn còn giá trị.
- Sinh viên tham gia đợt kiểm tra trình độ Tiếng Anh đầu khóa đạt yêu cầu.
- Sinh viên đạt giải học sinh giỏi môn Tiếng Anh cấp Quốc gia và cấp tỉnh.

**Điều 2. Miễn học và chuyển đổi điểm cho sinh viên có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và Chứng chỉ quốc gia còn giá trị đến thời điểm xét:**

| Khung 6 bậc VN và CEFR | IELTS     | TOEIC | TOEFL PBT | TOEFL CBT | TOEFL IBT | TOEFL ITP | Cambridge Tests                            | APT IS | Điểm quy đổi cho các HP Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 |            |
|------------------------|-----------|-------|-----------|-----------|-----------|-----------|--|--------|--|------------|
|                        |           |       |           |           |           |           |  |        | TA1  | TA2        |
| C2 (Bậc 6)             | 7.5+      | 910+  | 600+      | 250+      | 100+      | 630+      | 45 - 59 CPE<br>80 - 100 CAE                | C2     | 10   | 10         |
| C1 (Bậc 5)             | 7.0 - 6.0 | 850   | 577 - 540 | 236 - 213 | 95 - 80   | 550       | 60 - 79 CAE<br>80 - 100 FCE                | C1     | 10   | 10         |
| B2 (Bậc 4)             | 5.5 - 5.0 | 600-  | 527 - 480 | 197 - 173 | 71 - 61   | 500       | 60 - 79 FCE<br>80 - 100 PET                | B2     | 10   | 10         |
| B1 (Bậc 3)             | 4.5       | 450   | 477 - 450 | 153 - 126 | 53 - 42   | 450       | 45 - 59 FCE<br>65 - 79 PET<br>90 - 100 KET | B1     | 10   | 9          |
| A2 (Bậc 2)             | 4.0       | 400   | 340       | 96        | 31        | 337       | 45 - 64 PET<br>70 - 89 KET                 | A2     | 9  | Không miễn |
| A1 (Bậc 1)             | < 3.5     | < 400 | < 340     | < 96      | < 31      |           | 45 - 69 KET                                | A1     | Không miễn                                       | Không miễn |

**Điều 3.** Miễn học và chuyển đổi điểm đối với sinh viên tham gia đợt kiểm tra trình độ Tiếng Anh đầu khóa. Đề thi có tổng số 100 câu trắc nghiệm, mỗi câu đúng được tính 0,1 điểm

| Số câu đúng | Điểm quy theo thang 10 | Điểm quy đổi cho HP Tiếng Anh 1 | Điểm quy đổi cho HP Tiếng Anh 2 |
|-------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 91 -100     | 9,1 - 10               | 10                              | 10                              |
| 81 - 90     | 8,1 - 9,0              | 10                              | 10                              |
| 71 - 80     | 7,1 - 8,0              | 10                              | 9                               |
| 61 -70      | 6,1 - 7,0              | 9                               | 8                               |
| 50-60       | 5,0 – 6,0              | 8                               | Không miễn                      |
| Dưới 50     |                        | Không miễn                      | Không miễn                      |

**Điều 4.** Miễn học và chuyển đổi điểm đối với sinh viên đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cấp tỉnh năm lớp 12 môn tiếng Anh

| Loại giải                 | Điểm quy đổi cho HP Tiếng Anh 1 | Điểm quy đổi cho HP Tiếng Anh 2 |
|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Khuyến khích cấp tỉnh     | 9                               | 9                               |
| Giải ba cấp tỉnh          | 10                              | 9                               |
| Giải nhì cấp tỉnh         | 10                              | 10                              |
| Giải nhất cấp tỉnh        | 10                              | 10                              |
| Khuyến khích cấp quốc gia | 10                              | 10                              |
| Giải ba cấp quốc gia      | 10                              | 10                              |
| Giải nhì cấp quốc gia     | 10                              | 10                              |
| Giải nhất cấp quốc gia    | 10                              | 10                              |

**Điều 5.** Sinh viên thuộc đối tượng miễn học các học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 tại điều 2,3,4 của Quy định này được miễn nộp học phí các học phần tương ứng.

**Điều 6.** Tổ chức thực hiện

Căn cứ Quy định này các đơn vị liên quan và các khoa có trách nhiệm tổ chức kiểm tra trình độ Tiếng Anh đầu khóa cho sinh viên, thu nhận, kiểm tra chứng chỉ, giấy chứng nhận đạt giải của sinh viên để miễn giảm, chuyển đổi điểm các học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 cho sinh viên đạt yêu cầu.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, Phòng Đào tạo đại học có trách nhiệm phối hợp với Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Khoa Ngoại ngữ và các đơn vị liên quan trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế và các quy định hiện hành.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ